

**CÔNG TY CỔ PHẦN FUNTAP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FUNTAP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FUNTAP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FUNTAP.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106848777

**3. Ngày thành lập:** 14/05/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 21, ngách 460/55 Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 01649592529

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sao chép bản ghi các loại<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                    | 1820        |
| 2.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                      | 4741        |
| 3.  | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                           | 5820(Chính) |
| 4.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Đại lý dịch vụ viễn thông;<br>- Truyền đưa thông tin số;                                                                                                                                        | 6190        |
| 5.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                       | 6201        |
| 6.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                         | 6202        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm | 6209        |
| 8.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);                                                                                                            | 6311        |
| 9.  | Cổng thông tin<br>(trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí);                                                                                                                                                               | 6312        |
| 10. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi<br>(trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)                                                                 | 3240        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý;                                                                                                                                                                                                                        | 4610 |
| 12. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                   | 4651 |
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                    | 4652 |
| 14. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                               | 4791 |
| 15. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                             | 8230 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8299 |
| 17. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng (theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                 | 9329 |
| 18. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá);                                                                                                                                                                                                                      | 7310 |
| 19. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);                                                                                                                                                                | 7320 |
| 20. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;                                                                                                                                                   | 7490 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÌNH DUY KHÁNH | Thôn Tân Nhất, Thị trấn Nho Quan, Huyện Nho quan, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 42.000     | 420.000.000           | 42        | 164394174                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 42.000     | 420.000.000           | 42        |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                                                       |                         |        |             |    |                  |  |
|---|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------|-------------|----|------------------|--|
| 2 | LÊ MẠNH<br>TUYẾN  | Số 21, ngách<br>460/55 Thụy<br>Khuê, Phường<br>Bưởi, Quận Tây<br>Hồ, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 8.000  | 80.000.000  | 8  | 0010910001<br>37 |  |
|   |                   |                                                                                                       | Tổng số                 | 8.000  | 80.000.000  | 8  |                  |  |
| 3 | TRẦN<br>QUANG DUY | Số 104, phố<br>Khâm Thiên,<br>Phường Khâm<br>Thiên, Quận<br>Đống Đa, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 50.000 | 500.000.000 | 50 | 012883340        |  |
|   |                   |                                                                                                       | Tổng số                 | 50.000 | 500.000.000 | 50 |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: ĐÀO THỊ HỒNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 18/06/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 163120996

Ngày cấp: 16/07/2008

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Xóm Cầu, Xã Yên Phúc, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Xóm Cầu, Xã Yên Phúc, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội